

TƯƠNG ĐỒNG VÀ KHÁC BIỆT GIỮA HÔN NHÂN CỦA NGƯỜI CÔNG GIÁO VỚI NGƯỜI NGOÀI CÔNG GIÁO Ở VIỆT NAM

Tóm tắt: Công giáo du nhập vào Việt Nam từ thế kỷ XVI. Sau nhiều thăng trầm, Công giáo đã có được chỗ đứng trong một bộ phận dân cư, ảnh hưởng nhất định đối với xã hội Việt Nam, trong đó có phương diện hôn nhân và gia đình. Bài viết này bước đầu tìm hiểu một số điểm tương đồng và khác biệt giữa hôn nhân của người Công giáo với người ngoài Công giáo ở Việt Nam.

Từ khoá: hôn nhân, hôn nhân và gia đình, Công giáo ở Việt Nam.

1. Một số điểm tương đồng giữa hôn nhân của người Công giáo với người ngoài Công giáo ở Việt Nam

Hôn nhân là sinh hoạt quen thuộc của con người, là một hiện tượng mang tính lịch sử cụ thể. Vì thế, hôn nhân phụ thuộc vào quan niệm, tập quán vùng miền, vào từng giai đoạn phát triển xã hội, vào tín ngưỡng tôn giáo của con người. Bước đầu nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy có một số điểm tương đồng giữa hôn nhân của người Công giáo và người ngoài Công giáo ở Việt Nam.

Trước hết, cả người Công giáo lẫn người ngoài Công giáo ở nước ta đều có chung quan niệm về mục đích hôn nhân. Theo người Việt Nam, mục đích của hôn nhân là vợ chồng trọn đời yêu thương nhau, sinh sản, nuôi dưỡng và giáo dục con cái trưởng thành, xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Đây là ước vọng tự nhiên của con người khi bước vào đời sống hôn nhân, dù đó là người Công giáo (bên “giáo”) hay người ngoài Công giáo (bên “lương”).

Người Việt Nam quan niệm, hôn nhân là một việc trọng đại. Khi tiến hành hôn lễ, cả nam và nữ đều phải trải qua giai đoạn tìm hiểu, suy nghĩ thật kỹ về quyết định của mình. Tầm quan trọng và ý nghĩa thiêng liêng của hôn nhân khiến cho bất cứ việc gì liên quan đến chuyện vợ chồng

*. ThS., Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

cũng phải hết sức thận trọng. Trong dân gian có câu: “Lấy vợ xem tông, lấy chồng xem giống”. Câu nói này nhấn mạnh việc phải xem xét kỹ lưỡng mọi mặt trước khi đi đến quyết định kết hôn. Còn theo giáo lý Công giáo, hôn phối là một bí tích quan trọng. Vì thế, sau khi tìm hiểu nhau, nếu đôi nam nữ ưng thuận thì họ phải đến gặp linh mục, trình tờ xin rao trước ba tuần để mọi người biết đến họ và cha mẹ đôi bên. Sau ba tuần, nếu họ không gặp ngăn trở mới được phép làm đám cưới.

Xác định được vai trò quan trọng của hôn nhân sẽ thấy được giá trị và ý nghĩa thiêng liêng của nó để giữ gìn và trân trọng. Thực tế cho thấy, cặp vợ chồng nào chuẩn bị chu đáo cho hôn nhân thì hầu như tránh được những rủi ro, bất trắc trong cuộc đời và ngược lại.

Trong gia đình, nếu người cha được coi là trụ cột, là điểm tựa vững chắc cho vợ con thì người mẹ giữ một vị trí đặc biệt quan trọng. Ở Việt Nam, dù là người Công giáo hay người ngoài Công giáo cũng thường đề cao vai trò của người phụ nữ trong gia đình, là người vợ, người mẹ. Họ là người thổi hơi ấm của hạnh phúc lứa đôi. Vai trò đó trước hết được thể hiện trong việc sinh sản và giáo dục con cái: “Cha sinh mẹ dưỡng”. Trong đó, việc giáo dục con cái là trách nhiệm của người phụ nữ, góp phần quan trọng trong việc quyết định sự hình thành nhân cách của trẻ. Do đó, không thể phủ nhận vai trò của người mẹ trong giáo dục gia đình. Chẳng thế mà người Việt Nam lại có câu “Phúc đức tại mẫu”, “Con dại cái mang”, “Con hư tại mẹ”, v.v...

Cùng với vai trò sinh sản và giáo dục con cái, người phụ nữ trong gia đình còn có vai trò quan trọng là làm vợ. Người Việt Nam quan niệm, quan hệ vợ chồng là quan hệ “đạo vợ nghĩa chồng”. Đạo làm vợ là người phụ nữ luôn xác định được vai trò của mình để giữ gìn mái ấm gia đình và chăm sóc chồng con. Khi nói đến đạo vợ nghĩa chồng là chủ yếu nói về mặt tình cảm, tinh thần trong đời sống vợ chồng. Đó là những giá trị tình nghĩa, là điểm tựa vững chắc để tạo nên hạnh phúc lứa đôi: “Đàn ông xây nhà, đàn bà xây tổ ấm”. Tất nhiên, ngoài vai trò sinh sản và nuôi dạy con cái, vun đắp hạnh phúc gia đình, thì ngày nay, cùng với người chồng, người phụ nữ cũng giữ vai trò quan trọng khi tham gia các công việc xã hội và phát triển kinh tế gia đình.

Giữa hôn nhân người Công giáo với người Công giáo ở Việt Nam hiện nay còn tương đồng ở tính đơn nhất của hôn nhân, tức là chỉ chấp nhận hôn nhân một vợ một chồng. Về điểm này, quan niệm hôn nhân của

Công giáo phù hợp với chủ trương, chính sách của Nhà nước Việt Nam hiện nay. Điều 2 và Điều 4 của *Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam* đã quy định rất rõ ràng: “Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng”, và “Cấm người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc người chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người đang có chồng, có vợ”⁽¹⁾.

Ngoài ra, hiện nay, khi kết hôn, dù là người Công giáo hay người ngoài Công giáo, họ đều phải thực hiện đăng ký kết hôn và tổ chức kết hôn. Đây là thủ tục không thể thiếu của người Việt Nam khi bước vào đời sống hôn nhân. Việc đăng ký kết hôn chứng tỏ sự trưởng thành và chín chắn của hai con người khi quyết định sẽ trọn đời gắn bó với nhau, sống có trách nhiệm với bản thân, với người phối ngẫu, với con cái và xã hội. Đăng ký kết hôn được thực hiện ở cấp chính quyền địa phương. Đây là thủ tục bắt buộc đối với mọi công dân Việt Nam khi bước vào đời sống hôn nhân. Còn tổ chức kết hôn là việc tổ chức đám cưới cho đôi nam nữ trở thành vợ chồng.

Bên cạnh những điểm đã nêu, giữa hôn nhân của người Công giáo với người ngoài Công giáo còn có một số điểm tương đồng khác, như: sự bình đẳng và dân chủ giữa vợ chồng, hạnh phúc gia đình đòi hỏi sự thủy chung, v.v...

Tóm lại, giữa văn hóa Công giáo với văn hóa dân tộc nói chung, giữa hôn nhân của người Công giáo với người ngoài Công giáo ở Việt Nam nói riêng có nhiều điểm tương đồng. Chính sự tương đồng đó đã trở thành nguồn gốc, động lực nuôi dưỡng và thúc đẩy sự tồn tại của văn hóa Công giáo trong quá trình hội nhập với văn hóa dân tộc Việt Nam.

2. Một số điểm khác biệt giữa hôn nhân của người Công giáo với người ngoài Công giáo ở Việt Nam

Mỗi tôn giáo đều có những nét riêng để phân biệt với các tôn giáo khác. Nói đến tôn giáo là nói đến hai vấn đề cơ bản là đức tin tôn giáo và lễ nghi tôn giáo. Đây là điểm cơ bản nhất để phân biệt giữa hôn nhân người Công giáo với người ngoài Công giáo.

Đối với người Việt Nam truyền thống, hôn nhân được tiến hành với những nghi lễ cầu kỳ, phức tạp, tốn kém thời gian và tiền của. Ngày nay, cùng với sự văn minh của xã hội, nhiều hủ tục đang dần dần được loại bỏ.

Tuy nhiên, về cơ bản, sau khi đã tìm hiểu nhau, để có thể thành vợ thành chồng, đôi nam nữ cần phải tuân theo các thủ tục pháp luật và các nghi lễ truyền thống.

Về thủ tục pháp luật, sau khi tìm hiểu nhau và được sự ưng thuận của hai bên gia đình, đôi nam nữ đến Ủy ban nhân dân nơi đang cư trú (xã, phường, thị trấn) của một trong hai người để đăng ký kết hôn⁽²⁾.

Khi nhận đủ giấy tờ hợp lệ theo quy định pháp luật, cơ quan hữu trách sẽ kiểm tra hồ sơ, nếu thấy đủ điều kiện sẽ cho đăng ký kết hôn⁽³⁾. Tổ chức đăng ký kết hôn phải có mặt hai bên nam nữ. Đại diện cơ quan yêu cầu hai bên cho biết ý muốn tự nguyện kết hôn, nếu hai bên đồng ý thì cùng ký và được trao Giấy chứng nhận kết hôn⁽⁴⁾.

Ngoài việc tuân theo thủ tục pháp luật, việc tổ chức hôn nhân còn phải tuân theo các nghi lễ truyền thống dân tộc. Các nghi lễ liên quan đến hôn nhân truyền thống gồm: Nạp thái, Vắn danh, Nạp cát, Nạp tỳ, Thịnh kỳ, Thân nghinh⁽⁵⁾. Ngày nay, các lễ trên đã được đơn giản hóa và thu gọn vào trong Lễ dạm (hay Chạm ngõ), Lễ đính hôn (hay Lễ hỏi hay Đám hỏi) và Lễ cưới (trai là Lễ thành hôn, gái là Lễ vu quy).

Đối với người Công giáo, như đã đề cập, hôn nhân là một việc hệ trọng và đã được nâng lên hàng bí tích. Bởi vậy, đối với Bí tích Hôn phối, Giáo hội Công giáo cũng có những quy định về thủ tục và lễ nghi nhằm diễn tả bản chất của giao ước hôn nhân, đồng thời giúp đôi tân hôn đón nhận ân sủng do Bí tích Hôn phối mang lại.

Hôn lễ của người Công giáo ở Việt Nam, về đại thể, ngoài những thủ tục và nghi lễ truyền thống (phần đời) như trên, còn có những nghi lễ riêng biệt (phần đạo). Sau khi làm xong thủ tục đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương, đôi nam nữ phải hoàn tất một số thủ tục và nghi lễ Công giáo sau đây:

Khi có ý định tiến tới hôn nhân, hai bên đến gặp linh mục (thường là bên nữ). Linh mục sẽ trao đổi và giúp hai người làm tờ khai hôn phối, để biết họ có đúng là tín đồ Công giáo, có hiểu rõ ý nghĩa của hôn nhân Công giáo, có biết rõ nhiệm vụ của vợ chồng và cha mẹ tín đồ Công giáo⁽⁶⁾. Linh mục sẽ giúp đôi nam nữ học hoặc ôn lại giáo lý hôn nhân cũng như cách sống đức tin trong đời sống hôn nhân và gia đình Công giáo. Việc chuẩn bị này rất quan trọng để lời cam kết của hai người trở thành một hành vi tự do và trách nhiệm, cũng như hôn ước của họ có được sự vững chắc và lâu dài⁽⁷⁾.

Để giúp đôi bạn kết hôn thành sự và hợp pháp theo giáo luật, linh mục cần phải biết chắc hai người không bị mắc ngăn trở nào⁽⁸⁾. Nếu có, linh mục sẽ giúp họ giải quyết. Ngoài ra, đôi bạn cũng được hướng dẫn để hiểu rõ ý nghĩa các nghi thức khi cử hành Bí tích Hôn phối.

Nếu người nam hoặc người nữ thuộc một giáo xứ khác thì phải trình *Giấy chứng nhận Rửa tội và Thêm sức*. Việc chịu phép Rửa tội là cần thiết để lãnh nhận Bí tích Hôn phối. Còn đối với Bí tích Thêm sức, giáo luật quy định: “Người Công giáo nếu chưa Thêm sức, phải lãnh nhận bí tích này trước khi kết hôn”⁽⁹⁾. Bí tích Thêm sức giúp củng cố và làm tăng trưởng đức tin trong đời sống vợ chồng và con cái sau này.

Sau khi học hỏi giáo lý hôn nhân, nếu hai bên quyết định kết hôn, thì trình cho linh mục bên nữ biết. Linh mục sẽ làm lời rao hôn phối và rao trong ba Chủ nhật (tức ba tuần) ở giáo xứ của mỗi bên. Việc rao hôn phối để cho mọi người trong cộng đoàn biết, thêm lời cầu nguyện và xem xét có gì ngăn trở thì giải quyết trước hoặc trình báo với linh mục, đồng thời để ấn định lễ cưới⁽¹⁰⁾.

Sau cùng là lễ cử hành Bí tích Hôn phối. Địa điểm để thực hiện bí tích này là nhà thờ giáo xứ của bên nữ hoặc bên nam. Nếu cử hành tại một nhà thờ khác hay một nhà nguyện cần có phép của linh mục⁽¹¹⁾. Trong buổi cử hành Bí tích Hôn phối cần có hai người làm chứng⁽¹²⁾ và người chứng hôn. Sau khi cử hành Bí tích Hôn phối, đôi tân hôn, người chứng hôn và hai người làm chứng ký tên vào Sổ Hôn phối. Sau đó ghi việc kết hôn vào Sổ Rửa tội của đôi tân hôn⁽¹³⁾.

Như vậy, điểm khác biệt đầu tiên, cũng là điểm khác biệt cơ bản nhất giữa hôn nhân người Công giáo với người ngoài Công giáo ở Việt Nam là phương diện nghi lễ. Nếu hôn nhân người ngoài Công giáo coi trọng các nghi lễ truyền thống, trong đó không thể thiếu việc cô dâu chú rể làm lễ gia tiên, thì hôn nhân người Công giáo lại chú trọng thực hiện các nghi lễ Công giáo. Đối với người Công giáo, hôn nhân là một giao ước Thánh, là một bí tích thánh thiêng nhưng có tính trần tục. Vì thế, phần nghi lễ tôn giáo rất quan trọng và có ý nghĩa quyết định trong hôn nhân của người Công giáo.

Điểm khác biệt thứ hai giữa hôn nhân người Công giáo với người ngoài Công giáo ở Việt Nam là quan niệm về sự ràng buộc trong đời sống gia đình. Người Công giáo quan niệm, một khi đôi nam nữ đã ký kết các thủ tục pháp luật và thực hiện các nghi lễ tôn giáo, thì vợ chồng

không được ly dị. Quan điểm này của Giáo hội Công giáo có những điểm khác với quy định pháp luật của nhiều quốc gia.⁽¹⁴⁾ Điều này có thể góp phần tạo sự ổn định trong cuộc sống gia đình. Nhưng trên thực tế, xét từ góc độ đạo đức, không phải không ly hôn mới là giải pháp tốt nhất. Ở đây, chúng ta cần tính đến tính cụ thể của từng cuộc hôn nhân. Có những cuộc hôn nhân, thời điểm đầu diễn ra thuận buồm xuôi gió. Nhưng càng về sau, do sự chi phối của nhiều yếu tố, quan hệ đó đã trở nên tồi tệ. Nếu vợ chồng không còn tình yêu, không còn trách nhiệm và quan hệ đó không thể cứu vãn được nữa thì ly hôn là sự cần thiết.

Trên đây là một số điểm khác biệt giữa hôn nhân người Công giáo với người ngoài Công giáo ở Việt Nam. Điều này một mặt tạo ra sự đa dạng về ý thức xã hội, về văn hóa và lối sống; nhưng mặt khác cũng tạo nên sự khác biệt về chuẩn mực đạo đức trong xã hội. Tuy nhiên, nói như vậy không có nghĩa giữa văn hóa Công giáo với văn hóa dân tộc không có điểm tương đồng, mà ngược lại, giữa chúng có sự hòa quyện lẫn nhau và bổ trợ cho nhau. Lời ca “trước khi là người Công giáo, tôi đã là người Việt Nam” vang lên khắp các xứ đạo là một minh chứng cho sự hòa quyện giữa văn hóa Công giáo với văn hóa dân tộc./.

CHÚ THÍCH

1. *Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam*, Điều 2, Điều 4, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2001.
2. *Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam*, Điều 11, Điều 12, sách đã dẫn.
3. *Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam*, Điều 13, sách đã dẫn.
4. *Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam*, Điều 14, sách đã dẫn.
5. Đào Duy Anh (1998), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb. Đồng Tháp: 215.
6. Hội đồng Giám mục Việt Nam (2007), *Bộ Giáo luật 1983*, Điều 1063, Điều 1067, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
7. Hội đồng Giám mục Việt Nam, Ủy ban Giáo lý Đức tin (1992), *Sách giáo lý Hội Thánh Công giáo*, số 1632 (không rõ nhà xuất bản và nơi xuất bản).
8. Hội đồng Giám mục Việt Nam (2007), *Bộ Giáo luật 1983*, Điều 1066, sách đã dẫn.
9. Hội đồng Giám mục Việt Nam (2007), *Bộ Giáo luật 1983*, Điều 1065, sách đã dẫn.
10. Hội đồng Giám mục Việt Nam (2007), *Bộ Giáo luật 1983*, các điều 1063 - 1070, sách đã dẫn.
11. Hội đồng Giám mục Việt Nam (2007), *Bộ Giáo luật 1983*, các điều 1115 - 1118, sách đã dẫn.
12. Hội đồng Giám mục Việt Nam (2007), *Bộ Giáo luật 1983*, Điều 1108, sách đã dẫn.
13. Hội đồng Giám mục Việt Nam (2007), *Bộ Giáo luật 1983*, các điều 1121 - 1122, sách đã dẫn.
14. Chẳng hạn, pháp luật Việt Nam đã có những điều khoản cụ thể để giải quyết

những cuộc hôn nhân không thể duy trì được nữa. Chương 10, *Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam* quy định:

“Điều 85. *Quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn*: Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn.

Điều 89. *Căn cứ cho ly hôn*: Tòa án xem xét yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được thì Tòa án quyết định cho ly hôn.

Điều 90. *Thuận tình ly hôn*: Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận về tài sản và con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con; nếu không thỏa thuận được hoặc tuy có thỏa thuận nhưng không bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án quyết định.

Điều 91. *Ly hôn theo yêu cầu của một bên*: Khi một bên vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án xem xét, giải quyết việc ly hôn”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh (1998), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb. Đồng Tháp.
2. Hội đồng Giám mục Việt Nam, Ủy ban Giáo lý Đức tin (1992), *Sách giáo lý Hội Thánh Công giáo*, (không rõ nhà xuất bản và nơi xuất bản).
3. Hội đồng Giám mục Việt Nam (2007), *Bộ Giáo luật 1983*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
4. *Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2001.

THE SIMILARITIES AND DIFFERENCES IN MARRIAGE OF CATHOLICS WITH NON - CATHOLICS IN VIETNAM

Catholicism entered Vietnam in the 16th century. After many vicissitudes, Catholicism can exist in some parts of Vietnamese inhabitants and it has influenced Vietnamese society including marriage and family. This article initially learns about similarities and differences in marriage of Catholic with non - Catholic in Vietnam.

Key words: marriage, marriage and family, Catholicism in Vietnam, Catholic and non - Catholic.